BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng điều chỉnh mở rộng Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng, thành phố Hải Dương

(Kèm theo Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của Chủ tịch phường Tân Hưng)

Stt	Họ và tên	Bồi thường đất					Bồi thường di chuyển mộ		Tài sản, vật kiến trúc	Thưởng tiến độ	Chi phí di dời mộ và chi phí khác	Tổng cộng
		Số tờ	Số thửa	Diện tích	Diện tích đất ở thu hồi	Kinh phí bồi thường đất	Số lượng	Chi phí đào, bố và xây mới đối với mộ cát táng,				
I	**Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ**											
1	Vương Văn Trưởng	-	-	-	-	-	4	11,000,000	24,015,000	1,201,000	26,000,000	**62,216,000**
2	Vương Văn Sổ	-	-	-	-	-	1	5,500,000	3,253,000	163,000	6,500,000	**15,416,000**
3	Ngô Duy Đa	-	-	-	-	-	1	5,500,000	3,416,000	171,000	6,500,000	**15,587,000**
	Cộng I	-	-	-	-	-	**6**	**22,000,000**	**30,684,000**	**1,535,000**	**39,000,000**	**93,219,000**
II	**Bồi thường đối với các hộ gia đình sử dụng đất phi nông nghiệp**						`					
1	Đàm Văn Phan	29	47	90	3	90,000,000	-	-	-	-	-	**90,000,000**
2	Nguyễn Nhân Duy	29	46	111	2	60,000,000	-	-	4,431,000	222,000	-	**64,653,000**
3	Hà Thị Nghìn	29	27	90	7	210,000,000	-	-	-	-	-	**210,000,000**
4	Nguyễn Văn Kiên	29	59	90	1	30,000,000	-	-	-	-	-	**30,000,000**
5	Nguyễn Qúy Tam	29	9	128	8	240,000,000	-	-	106,200,000	5,310,000		**351,510,000**
6	Hồ Thị Sinh	29	45	90	2	60,000,000	-	-	-	-	-	**60,000,000**
7	Phạm Thị Lưu	29	39	90	6	180,000,000	-	-	-	-	-	**180,000,000**
	Cộng II					**870,000,000**			**110,631,000**	**5,532,000**	**0**	**986,163,000**
	Tổng Cộng					**870,000,000**		**22,000,000**	**141,315,000**	**7,067,000**	**39,000,000**	**1,079,382,000**

Bằng chữ: Một tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng./.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN HƯNG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng điều chỉnh mở rộng Khu dân cư, đô thị Tân Phú Hưng, thành phố Hải Dương

Stt	Đại diện người có mộ di chuyển	Số lượng	Chi phí đào, bố và xây mới đối với mộ cát táng,	Tài sản, vật kiến trúc	Thưởng tiến độ	Chi phí di dời mộ và chi phí khác	Tổng cộng
1	Vương Văn Cánh	3	16,500,000	94,657,000	4,733,000	19,500,000	135,390,000
2	Vương Quốc Học	1	5,500,000	17,142,000	857,000	13,000,000	36,499,000
3	Vương Nga Phi	4	22,000,000	5,376,000	269,000	26,000,000	53,645,000
4	Vương Văn Liêm	2	11,000,000	21,474,000	1,074,000	13,000,000	46,548,000
5	Đinh Đức Bạn	1		16,213,000	811,000	6,500,000	23,524,000
6	Nguyễn Văn Mở	2	5,500,000	13,138,000	657,000	13,000,000	32,295,000
7	Thiều Thị Nhung	4	22,000,000	22,109,000	1,105,000	26,000,000	71,214,000
8	Ngô Thị Cúc	4	11,000,000	21,718,000	1,086,000	19,500,000	53,304,000
9	Miếu thần linh (ông Đinh Văn Tín)	1		67,391,000	3,370,000		70,761,000
10	Vương Văn Hách	1	5,500,000	1,601,000	80,000	6,500,000	13,681,000
11	Vương Văn Hải	1	5,500,000	1,726,000	86,000	6,500,000	13,812,000
	Cộng	**24**	**104,500,000**	**282,545,000**	**14,128,000**	**149,500,000**	**550,673,000**

Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.

Tp. Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2026

NGƯỜI LẬP	NGƯỜI SOÁT	GIÁM ĐỐC